

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám

2. Ông Lê Minh Trí

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tô Văn Đăng - Thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:*
Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 22/2019/QĐST – HNGĐ ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Xuân G, huyện Thọ X, tỉnh Thanh H.

- Bị đơn: Ông **Trương Hoài N**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 44 ấp Phú T, xã Thạnh P, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- Con chung trên 07 tuổi: Cháu Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Xuân G, huyện Thọ X, tỉnh Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 31/01/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị Q và ông Trương Hoài N kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2011 tại UBND xã Xuân G, huyện Thọ X, tỉnh Thanh H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm đến tháng 6 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách cách nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nên bà bỏ về cha mẹ ruột ở nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6 năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011

đang sống với bà. Nay bà Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trương Hoài N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011 đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu ông Trương Hoài N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trương Hoài N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Trương Hoài N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Trương Hoài N không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông N cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Tại biên bản lấy lời khai khai 14/8/2019 và tại đơn xin vắng mặt ngày 14/8/2011 con chung trên 07 tuổi Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011 trình bày: Khi cha mẹ cháu không còn sống chung nữa, nguyện vọng của cháu xin được sống với mẹ và cho cháu xin vắng mặt tại các phiên tòa vì cháu bận đi học

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Trương Hoài N đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Hoài N. Còn cháu Trương Hoàng T có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt cháu Trương Hoàng T.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Q; Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Q được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011 (theo nguyện vọng của cháu T); Ông Trương Hoài N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Trương Hoài N đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông N vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trương Hoài N. Còn cháu Trương Hoàng T có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt cháu Trương Hoàng T.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Nguyễn Thị Q và ông Trương Hoài N là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bà Nguyễn Thị Quyết và ông Trương Hoài N kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2011 tại UBND xã Xuân G, huyện Thọ X, tỉnh Thanh H Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Trương Hoài N là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà Q vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông N, vì kể từ tháng 6 năm 2012 đến nay bà và ông N không còn sống chung, không còn quan tâm nhau, bà không còn tình cảm với ông N, kể từ khi bà gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án, bà và ông N không còn liên hệ với nhau, giữa bà và ông N không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn xảy ra vào tháng 6 năm 2012, đã hơn 07 năm nay hai bên vẫn không có thiện chí tìm cách hàn gắn đoàn tụ. Từ đó tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa bà Q và ông N không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Trương Hoài N.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Q và ông Trương Hoài N có 01 người con tên Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011 hiện nay con chung đang sống với bà Q. Bà Q yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, khi bà Q và ông N không còn chung sống với nhau cháu Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011 vẫn do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của cháu Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011. Ngoài ra tại biên bản lấy khai ngày 14/8/2019 cháu Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011 có nguyện vọng sống với mẹ. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình giao cho bà Nguyễn Thị Q được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011 đến tuổi trưởng thành.

Ông Trương Hoài N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Q trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được quyền ly hôn với ông Trương Hoài Nhân.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Q được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Hoàng T, sinh ngày 30/3/2011 (theo nguyện vọng của cháu Trương Hoàng T) đến tuổi trưởng thành.

3. Ông Trương Hoài N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

5. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

6. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009036 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà Q đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Trương Hoài N thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục T.H.ADS huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng KTNV&THA –TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Tùng